

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-5-2021

V/v “*Ly hôn*

và tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Huê**

2. Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Sơn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Phần** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim P**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số X, ấp 1, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Biết** –

Luật sư thuộc Hội luật gia tỉnh Bến Tre (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2021 bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Kim P trình bày:

Bà P và ông T đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào năm 2012. Sau khi kết hôn đến năm 2013 thì bà P có con đầu lòng. Bà P sống bên nhà cha mẹ ruột, ông T sống bên gia đình ông T, nhưng vẫn thường xuyên qua lại. Đến năm 2018, khi bà P sinh

hai con sau thì ông T không còn tới lui nữa, không quan tâm chăm sóc vợ con, một mình bà P phải lo cho 03 người con từ khoảng 03 năm nay. Do không còn tình cảm nên nay bà P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà P và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 18/11/2013; cháu Nguyễn Thành P1, sinh ngày 10/4/2018 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/4/2018; bà P yêu cầu nuôi 03 con chung, bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai, các biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như bà P trình bày là đúng. Ông T không đồng ý ly hôn với bà P vì còn thương vợ thương con, sẽ cố gắng khắc phục lỗi của mình. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, ông T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà P và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 18/11/2013; cháu Nguyễn Thành P1, sinh ngày 10/4/2018 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/4/2018. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, ông T đồng ý để bà P nuôi 03 con chung, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông T vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông T. Về con chung: Bà P tiếp tục nuôi 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 18/11/2013; cháu Nguyễn Thành P1, sinh ngày 10/4/2018 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/4/2018. Ghi nhận ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, nguyên đơn đồng ý tiếp tục phiên tòa; bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp T xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào năm 2012 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2018, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, bỏ mặc bà P một mình nuôi 03 con nhỏ. Tại biên bản làm việc ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với bà Nguyễn Kim L (là mẹ ruột của bà P) xác định quá trình chung sống giữa bà P và ông T không hạnh phúc do ông T lo chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, hai vợ chồng đã sống ly thân không gặp nhau từ năm 2018 đến nay. Từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết hồ sơ ly hôn, mặc dù ông T không đồng ý ly hôn nhưng đến nay ông T cũng không có bất kỳ hành động, biện pháp gì thể hiện ông T muốn hàn gắn tình cảm ngoài lời nói của ông T; ông T vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng cho thấy ông T đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Bà P khẳng định đã không còn tình cảm với ông T nên cương quyết ly hôn, việc hàn gắn giữa bà P và ông T không có kết quả. Điều đó đã chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông T là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Bà P và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 18/11/2013; cháu Nguyễn Thành P1, sinh ngày 10/4/2018 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/4/2018, hiện đang sống với bà P từ nhỏ. Xét việc

giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Mặc dù gia đình bà P thuộc diện hộ nghèo nhưng bà P hiện tại vẫn có công việc ổn định đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc giáo dục con chung, hiện tại các con chung vẫn được chăm sóc và tạo điều kiện học tập phát triển bình thường. Ngoài ra, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, cháu Nguyễn Thành Đ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha mẹ phải ly hôn; còn cháu Nguyễn Thành P1, Nguyễn Thành L hiện dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo việc phát triển ổn định về vật chất và tinh thần cho các cháu nên giao ba con chung cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, quá trình làm việc và hòa giải tại Tòa án, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi 03 con chung tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên ghi nhận. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Kim P nuôi ba con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi ba con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến

[5] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Kim P đối với ông Nguyễn Văn T. Bà Nguyễn Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Kim P và ông Nguyễn Văn T chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Kim P được tiếp tục nuôi 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 18/11/2013; cháu Nguyễn Thành P1, sinh ngày 10/4/2018 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/4/2018. Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng cho bà Nguyễn Kim P nuôi ba con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi ba con chung tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P được miễn án phí.
- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Sơn Đông;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền